

Vững Bước

Tăng Cường Trình



CÔNG TY CỔ PHẦN 190
190 JOINT STOCK COMPANY



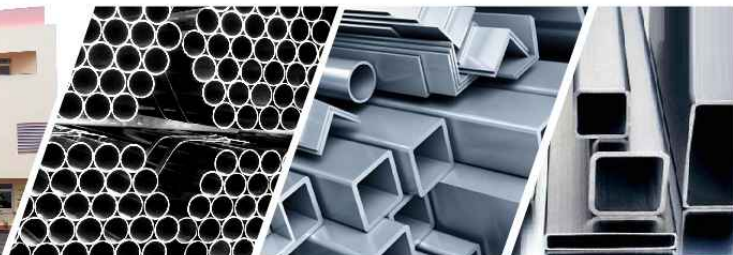
CÔNG TY CỔ PHẦN 190
190 JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Lô N11-12, đường số 5,
KCN Long Hậu mở rộng, X. Long Hậu,
H. Cần Giuộc, T. Long An, Việt Nam
Tel : 083. 873 4715 / 16 / 17
Fax : 083. 873 4714
Website: ongthep190.com

Add: Lot N11-12, road No 5,
Long Hau expansion industrial park,
Long Hau, Can Giuoc, Long An, Viet Nam
Tel : 083. 873 4715 / 16 / 17
Fax : 083. 873 4714
Website: ongthep190.com

www.ongthep190.com





Lời giới thiệu

Chất lượng sản phẩm ống thép đen mang thương hiệu "ÔNG THÉP 190" đã được khẳng định tại thị trường phía Bắc. Lượng tiêu thụ hàng tháng các loại ống tròn, vuông, chữ nhật được sản xuất tại 2 nhà máy:

- Nhà máy 1: Công ty TNHH ống thép 190
- Nhà máy 2: Công ty CP Nội Thất 190

đã đạt 6.000 tấn/tháng.

Lĩnh vực sản xuất chính: sản xuất ống thép, kinh doanh thép, gia công cắt xẻ thép, sản xuất hàng nội thất...

Nhà máy sử dụng dây chuyền sản xuất đồng bộ từ các nhà cung cấp hàng đầu Đài Loan, theo tiêu chuẩn Nhật Bản và Châu Âu.

- Công ty đã và đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN/ISO 9001 - 2008, được đánh giá bởi tổ chức chứng nhận quốc tế URS

- Sản phẩm ống thép 190 được sản xuất theo tiêu chuẩn Nhật bản và Mỹ:

+ JIS G3444-2010/ Mỹ ASTM A53/A53M-10 áp dụng cho ống tròn đen và mạ kẽm

+ JIS G3466-2010/ Mỹ ASTM A500/A500M-10a áp dụng cho hộp vuông - chữ nhật đen và mạ kẽm

Dây chuyền xả bằng thép cho phép xả cuộn thép (carbon hoặc không gỉ) nặng tới 30 tấn, rộng 1.800mm, dày 5mm, tốc độ 120m/phút (dung sai chiều rộng phối xé ± 0.05 mm)

Hệ thống máy cắt từ với thiết bị máy là phẳng tự động cho phép cắt thép carbon độ dày từ 0,4mm đến 3,5mm, chiều rộng sản phẩm 300mm - 1.550mm, chiều dài sản phẩm 3.000mm - 5.000mm. Dung sai chiều dài cho phép $\pm 0,3$ mm; dung sai đường chéo góc $\pm 0,5$ mm

Với 5 dây chuyền cán ống thép carbon, chúng tôi có thể cung cấp cho thị trường các cỡ ống tròn có đường kính 9,5mm đến 113,5mm và các ống hình (vuông, chữ nhật) tương đương 10x10 đến 100x100.

Phát triển những thành quả đã đạt được trên thị trường chúng tôi sẽ tiếp tục nỗ lực để mang đến cho quý khách hàng những sản phẩm chất lượng tốt và dịch vụ hoàn hảo nhất.

Introduction

Quality of the black steel pipes branded "190 STEEL PIPE" has been confirmed in the Northern market. Monthly consumption of round, square, rectangular pipes produced at two plants:

- Plant 1: "190 Steel Pipe Co., Ltd"

- Plant 2: "190 Furniture Co., Ltd"

reached 6,000 tons.

The main manufacturing sectors are producing steel pipe, steel business, cut steel processing, manufacturing furniture...Our factory use

the complete production lines imported from the leading supplier of Taiwan, under Japanese and Europe standards.

The company has been applying TCVN/ISO 9001 - 2008 quality management system which was authenticated by URS

The steel pipe products of "190 Ltd. Company" are manufactured according to Japanese and America standards:

+ JIS G3444-2010 applied for circle pipes

+ JIS G3466-2010 applied for square and rectangular pipes.

Automatic steel sheet slitting machine can slit carbon & stainless steel coil with weight 30 tons; width 1800mm; thickness 5mm; and with slitting speed 120m per minute (the width tolerance of splitting bands ± 0.05 mm).

Steel sheet levelling & shearing machine with automatic levelling device allows cut carbon steel with thickness from 0.4 mm to 3.5mm into sheets with width of 300mm - 1.550mm, length of 3.000mm - 5.000mm. Length tolerance allowed.

± 0.3 mm; diagonal tolerance ± 0.5 mm.

With 5 high-frequency welding pipe making machines we can supply to the market circular pipes with the diameter from 9.5mm to 113.5mm; and square and rectangular pipes with equivalent dimensions: from 10x10 to 100x100.

Developing achievements gained in the market we will continue efforts to bring customers the best quality products and perfect service.



ỐNG THÉP TRÒN - CIRCULAR PIPES (kg/m)

[illegible]

38.1	40.0	42.2	48.1	50.3	50.8	59.9	63.5	65.1	75.6	88.3	101.6	113.5	114.3	127.0
0.915		1.016												
1.004		1.115	1.275											
1.092	1.148	1.213	1.388			1.737								
1.267	1.333	1.409	1.612			2.020			2.562	3.000				
1.354	1.424	1.505	1.724	1.805	1.823	2.160	2.293	2.352	2.741	3.211			4.143	4.172
1.611	1.696	1.793	2.055	2.153	2.175	2.579	2.738	2.809	3.376	3.840	4.430	4.958	4.983	
1.780	1.874	1.963	2.274	2.382	2.406	2.856	3.030	3.112	3.630	4.256	4.912	5.499	5.538	6.165
2.031	2.138	2.263	2.598	2.722	2.750	3.267	3.471	3.561	4.157	4.878	5.632	6.307	6.352	7.073
2.195	2.342	2.448	2.811	2.947	2.977	3.539	3.760	3.859	4.507	5.290	6.110	6.843	6.882	7.675
2.437	2.569	2.720	3.128	3.280	3.314	3.943	4.191	4.301	5.027	5.904	6.822	7.644	7.698	8.576
2.597	2.737	2.900	3.336	3.499	3.536	4.209	4.475	4.594	5.371	6.310	7.294	8.175	8.233	9.174
2.754	2.904	3.078	3.543	3.713	3.756	4.474	4.758	4.884	5.713	6.715	7.765	8.704	8.767	9.769
2.986	3.150	3.340	3.849	4.039	4.082	4.868	5.178	5.316	6.223	7.319	8.467	9.494	9.563	10.659
3.214	3.392	3.598	4.151	4.357	4.404	5.257	5.594	5.744	6.728	7.918	9.165	10.280	10.354	11.545
3.364	3.551	3.768	4.350	4.567	4.616	5.514	5.869	6.026	7.063	8.315	9.627	10.801	10.879	12.133
	3.708	3.936	4.547	4.775	4.826	5.769	6.141	6.307	7.395	8.710	10.088	11.320	11.403	12.719
	3.939	4.184	4.838	5.082	5.137	6.148	6.547	6.724	7.890	9.299	10.775	12.096	12.184	13.594
	4.167	4.427	5.125	5.386	5.444	6.522	6.948	7.137	8.380	9.884	11.458	12.867	12.961	14.463
	4.316	4.586	5.314	5.585	5.647	6.769	7.213	7.410	8.705	10.271	11.911	13.378	13.476	15.045

[illegible][illegible]

ỐNG THÉP TRON - TIÊU CHUẨN JIS G3444
JIS G3444 FOR CIRCULAR PIPES

Số TT No	Loại ống End type	Mức thép Grade of MTR	Lô sản xuất Lot No	Cơ tính Mechanical Properties			Kiểm tra nén phẳng Flattenning	Kiểm tra độ kín khít Leak tightness
				Bền kéo TS N/mm ²	Bền chảy YP N/mm ²	Độ giãn dài Elongation (%)		
1	BPE	SPHT-1	As stamp	395	315	41	Good	
2	BPE	SPHC	As stamp	388	303	41	Good	
3	BPE	SPCC-SD	As stamp	351	240	41	Good	
4	BPE	SS400	As stamp	402	285	39	Good	

ỐNG HỘP VÀ CHỮ NHẬT - TIÊU CHUẨN JIS G3466
JIS G3466 FOR SQUARE AND RECTANGULAR PIPES

Số TT No	Loại ống End type	Mức thép Grade of MTR	Lô sản xuất Lot No	Cơ tính Mechanical Properties				Kiểm tra nén phẳng Flattenning
				Bền kéo TS N/mm ²	Bền chảy YP N/mm ²	Độ giãn dài Elongation (%)	Áp lực làm việc N/mm ²	
1	NA	SPHT-1	As stamp	395	315	41	NA	Good
2	NA	SPHC	As stamp	388	303	41	NA	Good
3	NA	SPCC-SD	As stamp	351	240	41	NA	Good
4	NA	SS400	As stamp	402	285	39	NA	Good

Sản xuất ống thép - Steel pipe production
Gia công cắt xẻ thép - Steel sheet levelling & shearing and steel sheet slitting
Kinh doanh thép - Steel trading

Công nhân lành nghề - Skilled workers
Dây chuyền đồng bộ - Complete production line
Sản phẩm đa dạng - Product diversity

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

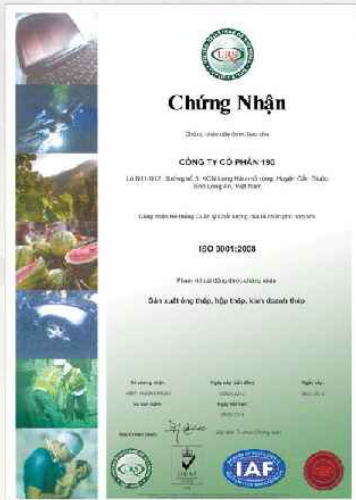
(Mill Test Certificate of Product Quality)

Tên khách hàng (Customer): THÁI GỐT THỦ 3 - DẠNG CẤU TẠO NHỰA HÀ NỘI
CÔNG TY OBAYASHI CORPORATION

Số TT No	Quy cách ống Specification	Loại ống End type	Mức thép Grade of MTR	Số lượng (Quantity)		Lô sản xuất (Lot No)	Cơ tính (Mechanical Properties)		Kiểm tra nén phẳng Flattenning Test	Kiểm tra độ kín khít Leak tightness
				Số cây Pieces	Trọng lượng Weight (kg)		Bền kéo TS (N/mm ²)	Bền chảy YP (N/mm ²)		
1	59,9x3,0x6,000	BPE	SPHT1	1,000	25,257	As stamp	395	276	Good	

Ghi chú (Note):

Giấy chứng nhận chất lượng chỉ cấp một lần
(This certificate is provided once only.)Áp dụng theo tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G3444
(To comply with JIS G3444.)BPE: Back Plain Ends pipe (ống thép trơn không vênh)
(Back Plain Ends pipe (non-flared steel pipe))Mức làm việc theo tiêu chuẩn JIS G3444
(Allowable stress is based on JIS G3444.)PHỤ TRÁCH BÁN HÀNG
Business managerPHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
Quality manager





Sản phẩm 190

ÔNG THÉP

Công ty Cổ phần Ống thép 190 cung cấp cho thị trường trong nước tất cả các loại thép tấm, thép hình, thép ống, thép hộp, thép chế tạo, thép ray, thép inox, thép cuộn với giá cạnh tranh và chất lượng tốt nhất.



Ứng dụng sản phẩm

Các sản phẩm của Ống thép 190 ngày càng được sử dụng nhiều và rộng rãi trong nhiều lĩnh vực như: xây dựng, cơ khí chế tạo, sản xuất ô tô, xe máy, xe đạp, trang thiết bị nội ngoại thất: bàn, ghế, cấp thoát nước, ống dẫn dầu, đóng tàu

